TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/DS-ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG.

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thanh Tuyền

Ông Lê Văn Khanh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Cao Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh*:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2025/TLST-DS, ngày 21 tháng 01 năm 2025, về việc "*Tranh chấp vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1964 và **bà Phạm Thị V**, sinh năm 1968 *(Ông Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt, bà V có mặt)*

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: Ông Phạm Minh L, sinh năm 1953 và **bà Phan Thị B**, sinh năm 1956 *(Ông L, bà B có mặt)*

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn bà Phạm Thị V trình bày:

Vợ chồng ông Đ, bà V và vợ chồng bà B, ông L là chỗ quen biết qua quan hệ sui gia nên vào ngày 23/05/2018 (al) vợ chồng ông Đ, bà V có lập biên nhận thỏa thuận việc bà B có vay của bà V 06 chỉ vàng 24k (sáu chỉ vàng). Đến ngày 07/6/2018 (al), bà B tiếp tục hỏi vay thêm của bà V 05 chỉ vàng 24k. Bà B thỏa

thuận sau vài tháng bà sẽ trả hết số vàng này cho bà, còn tiền lãi đóng hàng tháng.

Từ thời điểm vay đến nay, bà B đóng cho bà V được 5 tháng tiền lãi thì bà ngưng việc đóng lãi đến nay. Vợ chồng bà V nhiền lần đến gặp vợ chồng bà B, ông L nhắc việc trả vàng nhưng vợ chồng ông bà cứ hẹn nhiều lần đến nay vẫn chưa trả.

Từ thời điểm chốt số vàng còn nợ là 11 (mười một) chỉ vàng 24k, vợ chồng ông L, bà B đã trả cho vợ chồng bà V được là 0,5 chỉ vàng 24k và trả được tiền 1.500.000đ tương ứng 02 phân vàng 24k. Hiện tại vợ chồng ông L, bà B chỉ còn nợ vợ chồng bà V 10 chỉ 03 phân vàng 24k. Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại buổi hòa giải tại Ban N, xã Đ, bà B thừa nhận có nợ vợ chồng bà V số vàng trên và hứa mỗi năm trả 01 chỉ vàng 24k nên bà V không đồng ý.

Nay vợ chồng bà V, ông Đ yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Phan Thị B, ông Phạm Minh L phải trả cho vợ chồng bà số vàng còn nợ là 10,3 chỉ (mười chỉ ba phân) vàng 24k , không yêu cầu tính lãi.

* Nguyên đơn ông Huỳnh Văn Đ trình bày: Thống nhất với trình bày của vợ ông là bà Phạm Thị V, ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

* Bị đơn ông Phạm Minh L trình bày: Nguyên trước do cần vốn làm ăn nên vợ chồng ông có hỏi vay vợ chồng bà V nhiều lần với tổng số vàng là 11 chỉ vàng 24k. Việc vay vàng vợ chồng bà V mục đích để có vốn tu bổ vào việc làm ăn của gia đình nhưng điều kiện làm ăn thua lỗ nên hiện không còn khả năng trả nợ cho vợ chồng bà V như thỏa thuận giữa vợ chồng ông với vợ chồng bà V trước đây.

Trong thời gian nợ vàng của vợ chồng bà V, vợ chồng ông L đã trả cho vợ chồng bà V được là 0,5 chỉ vàng và 1.500.000đ tiền mặt tương ứng 0,2 chỉ vàng. Số vàng hiện tại còn nợ là 10,3 chỉ vàng 24k.

Do công việc làm ăn thất bại, bản thân đang mang bệnh tật mất khả năng lao động. Vợ chồng ông L yêu cầu vợ chồng ông Đ cho vợ chồng ông trả dần số vàng trên, mỗi kỳ 04 tháng sẽ trả cho vợ chồng ông Đ 01 chỉ vàng, trả dần cho đến khi hết số vàng nói trên cho vợ chồng ông Đ, bà V.

Tại phiên Tòa, Nguyên đơn ông Huỳnh Văn Đ, bà Phạm Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông L, bà B thừa nhận còn nợ của vợ chồng ông Đ, bà V số vàng là yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà V cho vợ chồng ông trả dần số vàng 10,3 chỉ vàng 24k, yêu cầu vợ chồng ông Đ cho vợ chồng ông trả dần số vàng trên mỗi kỳ 04 tháng trả 01 chỉ vàng đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Minh L, bà Phan Thị B có hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện A, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Bị đơn ông Huỳnh Văn Đ vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử khi đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, ông Huỳnh Văn Đ, bà Phạm Thị V yêu cầu vợ chồng ông ông Phạm Minh L, bà Phan Thị B trả cho ông Đ, bà V số vàng còn nợ là 10,3 chỉ (mười chỉ ba phân) vàng 24k, không yêu cầu tính lãi. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 01 năm 2025, vợ chồng ông Đ, bà V khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L, bà B trả cho vợ chồng ông Đ với số vàng là 11 chỉ vàng 24k. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L, bà B xác nhận trong quá trình nhận vay nợ số vàng trên, vợ chồng ông L đã trả cho vợ chồng ông Đ được 0,5 chỉ vàng 24k và 1.500.000đ tiền mặt tương ứng 0,2 chỉ vàng. Số vàng hiện tại vợ chồng ông L, bà B còn nợ vợ chồng ông Đ, bà V là 10,3 chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa ông Huỳnh Văn Đ, bà Phạm Thị V yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Minh L, bà Phan Thị B trả cho ông Đ, bà V số vàng còn nợ là 10,3 chỉ (mười chỉ ba phân) vàng 24k, không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng ông Đ, bà V và vợ chồng ông L, bà B thừa nhận vợ chồng ông L còn nợ của vợ chồng bà V với số vàng là 10,3 chỉ vàng 24k. đây là tình tiết không phải chứng minh theo điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại buổi hòa giải ngày 14 tháng 5 năm 2025 cũng như tại phiên tòa, ông L, bà B yêu cầu ông Đ, bà V cho vợ chồng ông L trả dần số vàng nói trên theo phương thức mỗi kỳ 04 tháng sẽ trả cho vợ chồng ông Đ 01 chỉ vàng, trả dần đến khi hết số vàng còn nợ. Tuy nhiên yêu cầu này của vợ chồng ông L không được vợ chồng ông Đ, bà V đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở ghi nhận.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Đ, bà Phạm Thị V buộc vợ chồng ông Phạm Minh L, bà Phan Thị B trả cho ông Đ, bà V tổng số vàng còn nợ là 10,3 chỉ (mười chỉ ba phân) vàng 24k là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Phạm Minh L, bà Phan Thị B không phải nộp án phí do ông L, bà B là người cao tuổi, đồng thời tại phiên tòa, vợ chồng ông có yêu cầu được miễn tiền án phí; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Huỳnh Văn Đ, bà Phạm Thị V .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92, Điều 93; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 3; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Đ, bà Phạm Thị V về việc yêu cầu ông Phạm Minh L, bà Phan Thị B trả số vàng vay.

1. Buộc ông Phạm Minh L, bà Phan Thị B trả cho ông Huỳnh Văn Đ, bà Phạm Thị V số vàng còn nợ là 10,3 chỉ (mười chỉ ba phân) vàng 24k.

2. Về án phí: Ông Phạm Minh L, bà Phan Thị B không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do ông L, bà B là người cao tuổi.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn Đ, bà Phạm Thị V số tiền tạm ứng án phí là 2.337.000đ *(Hai triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005350, ngày 06/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát An Minh;
- Chi cục Thi hành án An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Toàn